

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 4 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phú và ông Lê Đức Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về hôn nhân gia đình thụ lý số: 176/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Quốc V, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 30, phường T, quận T, thành phố Đ; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 29/10/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Lê Quốc V trình bày như sau:

Nguyên đơn và bị đơn là chị Trần Thị Hồng N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/01/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian khoảng gần 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, chị N nhiều lần xúc phạm anh V, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến tháng 01/2020. Sau đó gia đình hai bên khuyên can nên vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên cho đến đầu tháng 4/2020 vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nay anh V xác

định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị Hồng N.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Anh V và chị N có 01 người con chung tên là Lê V Tiểu M, sinh ngày 10/7/2019. Nếu được ly hôn, anh V yêu cầu giao cháu M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Anh Lê Quốc V trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2021, chị Trần Thị Hồng N trình bày: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị N đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp, hòa giải nhưng do bận công việc nên chị N không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh V, chị N có ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chị N trình bày thống nhất như lời trình bày của anh V. Quá trình chung sống vợ chồng, hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh V nên đồng ý ly hôn. Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tại phiên tòa:**

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chưa chấp hành nghiêm chỉnh giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc đã thông báo về việc thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với chị Trần Thị Hồng N nhưng chị N đều vắng mặt. Tại Biên bản lấy lời khai chị N trình bày đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng nêu trên của Tòa án nhưng bận công việc nên chị N không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quốc V và chị Trần Thị Hồng N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị N là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình sống chung giữa anh V và chị N đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hiện anh V và chị N sống ly thân, không cùng nhau chung sống, cuộc sống mỗi người tự lo liệu, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Anh V yêu cầu ly hôn, chị N cũng đồng ý. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng của anh V và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Anh V và chị N đều có yêu cầu giao con chung là Lê V Tiểu M, sinh ngày 10/7/2019 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu M đang dưới 36 tháng tuổi và đang sống cùng với chị N. Do đó, cần giao cháu Lê V Tiểu M cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Anh Lê Quốc V cũng đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị N. Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do vậy anh V đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi là phù hợp với khả năng, mức thu nhập của anh V, do đó cần chấp nhận.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh V, chị N đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Lê Quốc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quốc V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quốc V được ly hôn chị Trần Thị Hồng N.
2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao người con chung là Lê V Tiểu M, sinh ngày 10/7/2019 cho chị Trần Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; anh Lê Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Anh Lê Quốc V có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Trần Thị Hồng N (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh V không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ) cho đến khi thi hành án xong, anh Lê Quốc V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Quốc V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001653 ngày 03/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc; anh V phải nộp thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND Phường Tân Chính;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Xuân Huế

